

BƯỚC ĐẦU TÌM HIỂU SỰ HOẠT ĐỘNG CỦA TỪ LÁY TRONG VĂN HỌC

PHAN VĂN HOÀN

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Có hiện tượng rất đáng quan tâm: từ láy trong tiếng Việt dường như chỉ xuất hiện trong văn học (phong cách nghệ thuật) là chủ yếu, trong các phong cách khác: khoa học, chính luận v.v. . . tuy có, nhưng rất hạn hữu. Trong những tác phẩm thuộc phong cách nghệ thuật thì thơ ca trữ tình cũng chiếm tỷ lệ nhiều hơn.⁽¹⁾

Tại sao lại có hiện tượng như vậy? Bài viết này, chúng tôi nhằm tìm hiểu vấn đề đó.

2. MỐI QUAN HỆ GIỮA VĂN HỌC VÀ TỪ LÁY

Để trả lời câu hỏi trên, chúng tôi thấy trước hết cần phải đề cập đến hai vấn đề: Đặc trưng của văn học và đặc trưng của từ láy.

2.1. Đặc trưng của văn học

Nói đến văn học là nói đến sự phản ánh, miêu tả cuộc sống, hiện thực khách quan. Có hai vấn đề cần phải được đặt ra:

- Đối tượng phản ánh, miêu tả
- Sự phản ánh, miêu tả.

a) Đối tượng phản ánh, miêu tả

Đối tượng phản ánh, miêu tả của văn học, như đã nêu là cuộc sống, là tất cả những gì có ở quanh ta, trong đó con người là trung tâm. Vậy, đối tượng phản ánh, miêu tả của văn học là rất rộng, đa dạng và phong phú. Trong sự đa dạng và phong phú đó có: mây, gió, trăng, hoa, ánh sáng, con người, v.v. . . với các trạng thái, mức độ v.v. . . khác nhau của nó.

b) Sự phản ánh, miêu tả

Sự phản ánh, miêu tả của văn học, trước hết phải mang tính cụ thể. Có cụ thể thì người đọc mới có thể nhận ra được cái mà tác giả nói. Dĩ nhiên, sự miêu tả của văn học là bằng ngôn ngữ - thông qua việc xây dựng hình tượng nghệ thuật, trong đó có từ láy tham gia.

Thông thường, sự miêu tả, bao giờ cũng bắt đầu từ bên ngoài - những biểu hiện cụ thể bên ngoài - từng sự vật, hiện tượng đơn lẻ (trực quan. . .). Nhưng, văn học không dừng lại ở đó. Thông qua những biểu hiện cụ thể, văn học còn phải làm một nhiệm vụ hết sức quan trọng là phải *khái quát lên*, tìm ra những đặc điểm chung, bản chất. . . không cho từng sự vật, hiện tượng mà nhiều sự vật, hiện tượng.

Để khái quát, nhà văn, nhà thơ phải có một quá trình lựa chọn, cân nhắc, suy đoán. . . Sự khái quát vì thế dẫn đến sự *trừu tượng* - *trừu tượng hóa*.

Như vậy là, sự phản ánh, miêu tả của văn học không chỉ mang tính cụ thể mà còn mang tính trừu tượng (khái quát). Nói một cách khác, văn học vừa phải mang tính *hệ - cụ thể hóa* - vừa phải mang tính *trừu tượng* - *trừu tượng hóa*.

Trong "Tắt đèn", chị Dậu là một nhân vật điển hình cho người phụ nữ nông dân Việt Nam trước cách mạng tháng Tám: Vừa cụ thể vừa trừu tượng (khái quát) v.v. . .

2.2. Đặc trưng của từ láy và sự phù hợp của nó đối với văn học.

A. Đặc trưng của từ láy: Từ láy có hai vấn đề cần được nghiên cứu ở đây. Đó là *đặc trưng biểu thị* và *ý nghĩa của nó*.

a) Đặc trưng biểu thị

Nói chung, từ láy trong tiếng Việt là những đơn vị từ - thường biểu thị những sự hiện tượng *nằm trong trạng thái dao động*. Nói như thế có nghĩa là, từ láy, xét cho cùng, không phải là những từ trực tiếp biểu thị bản thân sự vật, hiện tượng như: *mây, nhà cửa* v.v. . . mà là những từ biểu thị những *đặc điểm cụ thể khác nhau* của những sự vật, hiện tượng đó, được bộc lộ ra trong quá trình vận động, trong sự so sánh, đối chiếu v.v. . . với những sự vật, hiện tượng khác. Những đặc điểm này, phần lớn không chỉ cho một sự vật, hiện tượng nào mà là chung cho nhiều sự vật, hiện tượng. Vì vậy từ láy *gồm với sự miêu tả, mang tính miêu tả*. Nói cách khác, *từ láy là những từ miêu*

Ví dụ: nói về con người, ta thấy có hàng loạt từ biểu thị: *cao cao, thâm thẳm* . . . ; *ngọt ngọt, xanh xao* . . . ; *bâng khuâng, xao xuyến* . . . ; *gật gù, lắc lư* v.v. . .

Nói rằng, *dao động - trạng thái dao động* mà từ láy biểu thị cũng cần phải phân biệt *trạng thái động nói chung*.

Khi một sự vật, hiện tượng nằm trong trạng thái dao động thì *mặc nhiên nó đã nằm trong trạng thái động rồi*: có động thì mới tạo ra được *dao động*: động bao hàm dao động. Nhưng *không phải động nào cũng là dao động*.

- Kim đồng hồ đang chạy: *động*, nhưng không phải *dao động*.

- Đồng hồ quả lắc đang chạy: quả lắc: *động* và là *dao động*.

Vậy, sự khác nhau giữa *động* và *dao động* là ở *chỗ chiều của sự chuyển động*. Đối với từ láy: *phải ngược chiều nhau*. Trên thực tế, sự phân biệt này là cần thiết. (2)

Vậy, đối tượng biểu thị của từ láy cũng rất đa dạng và phong phú. Nếu so sánh với

đối tượng phản ánh, miêu tả của văn học thì có thể nói là *như nhau*: trong văn học có mây, gió, trăng, hoa v.v. . . thì tương ứng với những đối tượng đó, có những từ láy biểu thị cho nó dưới các trạng thái, mức độ. . . khác nhau. Nếu chỉ xét riêng về mặt này, chúng ta cũng đã thấy rõ, trong khoa học, chính luận, những đối tượng vừa nêu coi như không có hoặc rất ít. Vì vậy mà, những từ láy biểu thị cho nó. . . cũng sẽ không có trong tác phẩm (Đĩ nhiên, chúng ta không nói rằng, trong khoa học, chính luận không có sự miêu tả) Trong khi đó văn học thì hoàn toàn ngược lại.

b) Ý nghĩa của từ láy

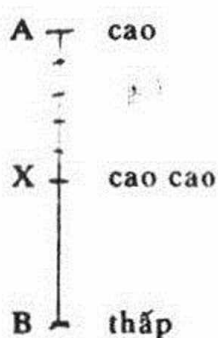
Đây là vấn đề phức tạp nhất của từ láy. Sự khảo sát của chúng tôi cho thấy rằng, từ láy trong tiếng Việt, nói chung đều mang một ý nghĩa chung nhất: ý nghĩa dao động - ý nghĩa láy đi láy lại. (3) Ý nghĩa đó được thể hiện trên hai bình diện:

- Bình diện cụ thể: Đó là những từ láy biểu thị sự vật, hiện tượng nằm trong trạng thái động mà chúng ta có thể tri giác được một cách dễ dàng bằng mắt, bằng tai hoặc bằng một sự hình dung tương đối đơn giản.

Ví dụ: gật gù. . ., lấp lánh. . ., cộc cạch. . ., gờ gờ. . .

- Bình diện trừu tượng: Đó là những từ láy biểu thị sự vật, hiện tượng nằm trong trạng thái dao động, nhưng chúng ta không thể tri giác được một cách dễ dàng. . . (khác trường hợp trên). Song, bằng sự phân tích. . ., chúng ta cũng có thể tìm thấy và quy nó về được với trạng thái dao động nói trên: Sự dao động ở đây nằm ngay trong tính không xác định của sự vật, hiện tượng.

Ví dụ: cao cao



+ Trong tiếng Việt, cao cao thường biểu thị sự vật ở mức độ cao: cao trung bình trở lên (hình bên). Tại điểm A được xác định là cao, vì có sự đối lập ở B thấp thì cao cao thường được xác định từ điểm X trở lên A, nhưng chưa trùng với A. Điều đó có nghĩa là, cao cao được xác định không phải bằng một điểm như ở A (cao), B (thấp) mà bằng cả một khoảng. . . Trong khoảng xác định đó, có nhiều điểm cùng thỏa mãn. . .

Có thể công thức hóa như sau:

$$A > \text{cao cao} \geq X$$

Nếu chấp nhận cách lý giải trên đây thì có thể nói rằng, tính không xác định nói trên thực chất không phải là không xác định (hiểu theo nghĩa đen) mà là xác định càng xác định. Không phải ngẫu nhiên mà, khi nói cao cao (một người nào đó cao cao. . .) chúng ta thấy dễ nhận ra hơn là cao (khi nói một người nào đó cao. . .). Cao được xác định trong quan hệ với thấp thì cao cao lại xác định trong quan hệ với cao vì lẽ đó mà trong quan hệ với cao cao thì cao lại trở nên khó xác định hơn (ví dụ trên).

Vậy cao cao, trong bản thân nó chứa đựng hai nét nghĩa:

+ Cụ thể (xác định) và

+ Trừu tượng (không xác định).

dao cao vừa mang tính cụ thể vừa mang tính trừu tượng.

Không chỉ ở những từ láy thuộc bình diện trừu tượng mà cả những từ láy thuộc bình diện cụ thể đều có hai nét nghĩa đó. Chỉ có một điều, ở từ láy thuộc bình diện trừu tượng, nét nghĩa cụ thể bị mờ đi vì nét nghĩa trừu tượng trội hơn, lấn át. Ngược lại, từ láy thuộc bình diện cụ thể thì nét nghĩa trừu tượng yếu hơn vì nét nghĩa cụ thể trội hơn. Thực tế cho thấy, hai nét nghĩa này hòa quyện vào nhau làm một rất khó phân biệt tách rạch rời, dứt khoát.

Như vậy là, trong cái ý nghĩa *dao động* - ý nghĩa *láy đi láy lại* của từ láy, bao gồm hai nghĩa rất cơ bản: *cụ thể* (xác định) và *trừu tượng* (không xác định). Xét về ý nghĩa của từ láy mang tính đặc thù miêu tả chính là ở khía cạnh này.

Sự phù hợp giữa từ láy với văn học

Trước hết, đó là sự phù hợp giữa đối tượng phản ánh, miêu tả của văn học với đối tượng biểu thị của từ láy. Như trên đã nêu, cả hai coi như cùng một đối tượng. Nhưng để cũng chỉ mới xét trên bề mặt. Thực chất giữa văn học và từ láy có một mối quan hệ xa. Đó là sự miêu tả của văn học liên quan đến ý nghĩa của từ láy.

Như chúng ta đã biết, không có một nhà văn, nhà thơ nào, khi miêu tả sự vật, hiện tượng nào đó, với mục đích là để cho người đọc nhận ra điều mình muốn nói lại nói một từ chung chung, mơ hồ, lại dùng những từ ngữ trừu tượng (tính cụ thể. . .). Ngược lại, qua sự vật, hiện tượng được miêu tả, để gợi cho người đọc một sự liên tưởng đến sự vật, hiện tượng khác ngoài xã hội có liên quan mà trong tác phẩm không có tên để trình bày. . . lại nói một cách cụ thể - quá cụ thể (tính trừu tượng, khái

để đạt được đồng thời hai mục đích đó, hẳn là các tác giả của nó phải kết hợp hữu pháp nghệ thuật khác nhau, trong đó, không thể không nói đến việc sử dụng từ láy thích hợp⁽⁴⁾. Từ láy, với những đặc trưng ngữ nghĩa của mình, khi tham gia vào văn cảnh cụ thể: câu văn, câu thơ. . . có thể nói là một trong những yếu tố đáp ứng nếu như không muốn nói là tốt nhất) sự đòi hỏi đó. Tính miêu tả cụ thể của văn học phù hợp với nét nghĩa cụ thể của từ láy, tính khái quát của văn học tương đồng với tính trừu tượng của từ láy. . ., chúng tôi coi đó là cơ sở của mối quan hệ đặc biệt

ở tìm hiểu đoạn thơ sau:

"Nao nao dòng nước uốn quanh
Nhịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang
Sè sè nắm đất bên đường
Rầu rầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh. . ."

(Kiều)

In khái quát, đây là một bức tranh gồm có: dòng nước. . . nhịp cầu ở cuối ghềnh. . .

., nắm đất. . . và cỏ mọc trên đó. . . Tiếp tục, bức tranh được miêu tả cụ thể hơn: dòng nước ở đây phải là dòng nước *nao nao*, tức là dòng nước "quanh co, uốn theo đường cong" (5). . . , chiếc cầu bắc qua . . . nhưng là chiếc cầu *nhỏ nhỏ* chứ không phải là chiếc cầu to lớn. . . *Nao nao, nhỏ nhỏ, sè sè, rầu rầu* đều là những từ láy. Sự cụ thể trên, chủ yếu là do vai trò của từ láy biểu thị. Đối với từ láy, đó là do *nét nghĩa cụ thể* tạo ra. Nếu dừng lại ở đây, chúng tôi thấy có lẽ chưa được: nói dòng nước *nao nao*. . . nhưng *nao nao* đến mức nào thì đúng với dòng nước mà Nguyễn Du miêu tả? Chiếc cầu *nhỏ nhỏ*. . . , nhưng *nhỏ nhỏ* đến mức nào thì đúng với nghĩa *nhỏ nhỏ* ở đây? Rõ ràng những câu hỏi do chúng ta đều có thể đặt ra và đều nhận thấy chưa thể trả lời ngay được: một cái gì đó *không xác định* (cụ thể), nhưng cũng vừa *không xác định* (trừu tượng). Chính trên cơ sở này người đọc nảy sinh sự liên tưởng: những dòng nước. . . , những nhịp cầu. . . , nắm đất. . . và cỏ mọc. . . đâu đó chúng ta đã gặp lại hiện lên. . . Cái đã gợi ra sự liên tưởng đó là từ láy. Trong từ láy thì đó là *nét nghĩa trừu tượng*. Từ một hình ảnh. . . thành nhiều hình ảnh. Từ một bức tranh. . . hóa nhiều bức tranh. . . Cái hay, cái đẹp của một tác phẩm phải tạo ra được sự xúc cảm mãnh liệt này.

Tóm lại, giữa văn học và từ láy có mối quan hệ rất đặc biệt. Đó là sự *phù hợp tương đồng* giữa đôi bên. Văn học phản ánh, miêu tả. . . thì cũng phải bắt đầu từ sự miêu tả từng sự vật, hiện tượng. . . Từ láy là những từ biểu thị những đặc điểm cụ thể khác nhau của sự vật, hiện tượng. . . Xét về mặt ý nghĩa, từ láy như là *kết quả tất yếu của miêu tả của văn học*. Trong văn học, từ láy xuất hiện nhiều hơn hẳn so với khoa học chính luận v.v. . . là hoàn toàn có cơ sở.

Có thể nói rằng, nếu như văn học là mảnh đất màu mỡ nhất, thì nhiều nhất về từ láy tồn tại và phát triển thì trong các phong cách khác là hoàn toàn ngược lại.

CHÚ THÍCH

1. Hoàng Văn Hành. Từ láy trong tiếng Việt. Nxb. KHXH. HN. 1985, tr. 140
2. Do phạm vi bài viết, chúng tôi không đi sâu khía cạnh này.
3. Phan Văn Hoàn. Từ láy trong tiếng Việt và sự cần thiết phải nhận diện nó. Ngôn ngữ số 4/1985, tr.52. Bàn thêm về. . . Tạp chí khoa học. Trường ĐHTH Hà Nội. 3/1988, tr.30.
4. Phan Ngọc. Tìm hiểu phong cách Nguyễn Du trong truyện Kiều. NXB. KHXH HN 1985, tr.255.
5. Văn Tân. Từ điển tiếng Việt. Nxb. KHXH. HN 1967, tr.684.